

Số: ~~121~~/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025 của Chính Phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2025, Năm học 2024- 2025 và từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025, Năm học 2025-2026

### ỦY BAN NHÂN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định Nghị định số 66/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025 của Chính Phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;*

*Căn cứ Công văn số 3400/GDDT-KHTC, ngày 01/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 887/TTr-KTHTĐT ngày 08/12/2025 và đề nghị của phòng Văn hóa – Xã hội tại Tờ trình số 480 /TTr –VHXH ngày 05/11/2025 về việc tổng hợp kinh phí, đề nghị trình UBND phường duyệt danh sách học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2025. Năm học 2025-2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2025, Năm học 2024- 2025 và từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025, Năm học 2025-2026.

*(Có danh sách chi tiết kèm theo).*

Tổng số học sinh và kinh phí hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh từ tháng 01 đến tháng 5, Năm học 2024-2025: 138 học sinh.

+ Kinh phí Kinh phí hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi, học liệu: 119.550.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ tiền nhà: 192.600.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 556.560.000 đồng.

+ Hỗ trợ gạo: 8.025 kg.

Tổng kinh phí bằng tiền là: **868.710.000 đồng** (Tám trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

2. Tổng số học sinh kỳ 1 năm học 2025-2026: 421 học sinh.

+ Kinh phí Kinh phí hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi, học liệu: 152.400.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ tiền nhà: 577.440.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 1.530.144.000 đồng.

+ Hỗ trợ gạo: 24.060 kg.

Tổng kinh phí bằng tiền là: **2.259.984.000 đồng** (Hai tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn).

### 3. Tổng cộng (1+2):

- Về kinh phí chi trả cho học sinh là: **3.128.694.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn).

- Về hỗ trợ gạo cho học sinh là: **32.085 kg.**

**Điều 3.** Giao Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường phối hợp với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS chỉ đạo các trường tổ chức chi trả chế độ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng Văn hoá- Xã hội, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND phường; (b/c)
- Lãnh đạo UBND phường;
- Phòng KT,HT&ĐT;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Chinh**